TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **293**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 22/12/2023
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chương - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Quang Huy

2. Ông Trần Văn Trịnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thu Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện X, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 260/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST - HNGĐ ngày 08/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Âu Thị S, sinh năm 1993; HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện X, Hà Nội (có mặt).

Bị đơn: Anh Đào Quang C, sinh năm 1987; HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện X, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Âu Thị S trình bày:***

Chị Âu Thị S và anh Đào Quang C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện X, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng C sống với nhau tại nhà anh C ở thôn T, xã L, X, Hà Nội. Vợ chồng C sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C tính tình nóng nảy, hay chửi mắng chị S, đập phá đồ đạc trong nhà, thường xuyên chơi bời, cờ bạc, anh C đi làm nhưng không đưa tiền cho chị S nuôi con, chị S phải tự lo kinh tế có sự hỗ trợ của bố mẹ chồng để nuôi con. Mâu thuẫn vợ chồng chị S, anh C trầm trọng, anh C thường xuyên chửi mắng chị S nên tình cảm vợ chồng không

còn, không có tiếng nói C, cuộc sống hôn nhân bế tắc. Từ tháng 10/2023, chị S đã chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó. Nay chị S xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn để C sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C.

Về con C: Anh chị có 01 con C là cháu Đào Tú A, sinh ngày 01/01/2021. Ly hôn chị S yêu cầu nuôi cháu Tú A và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang kinh doanh online. Thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 18.000.000 đồng/tháng. Chị có đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi dạy con.

Về tài sản C, công nợ C: Chị và anh C không có tài sản C, công nợ C nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn anh Đào Quang C trình bày:***

Anh C thống nhất với chị S về thời gian kết hôn, C sống. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị C sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2022 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thời điểm đó thu nhập của anh không tốt nên kinh tế gia đình không được đầy đủ, từ đó vợ chồng hay cãi vã, chị S lạnh nhạt không nói chuyện với anh nên vợ chồng không nói chuyện với nhau. Anh C thừa nhận bản thân anh nóng tính nên có chửi bới chị S nhưng từ khi C sống với nhau đến nay anh chưa bao giờ đánh đập chị S, anh đi làm về đều đưa tiền cho chị S giữ. Từ cuối tháng 10/2023 chị S tự ý chuyển ra ngoài sinh sống và không về nhà, vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay. Anh C có quan điểm mâu thuẫn giữa vợ chồng anh nhỏ nhặt có thể hàn gắn được nên anh mong chị S suy nghĩ lại, quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, đề nghị Tòa án cho vợ chồng anh thêm thời gian tự hòa giải, sau khi chị S chuyển ra ngoài sống anh có gọi điện cho chị S nhưng chị S không muốn gặp anh, ngoài ra anh không có biện pháp gì khác để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Anh C không đồng ý ly hôn với chị S vì con C còn quá nhỏ. Trường hợp chị S kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con C: Anh chị có 01 con C là cháu Đào Tú A, sinh ngày 01/01/2021. Ly hôn anh C yêu cầu nuôi cháu Tú A và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm quản lý nhà hàng lương cơ bản 25.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản C, công nợ C: Anh và chị S không có tài sản C, công nợ C nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là chị Âu Thị S vẫn giữ quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Đào Quang C. Ly hôn, chị S đề nghị được nuôi con C là cháu Đào Tú A và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản C và công nợ C: Chị và anh C không có tài sản C, công nợ C nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Đào Quang C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

+ Về nội dung: Vợ chồng chị S và anh C mâu thuẫn trầm trọng, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn với anh C; Về con C: Con C của chị S và anh C là cháu Đào Tú A, đến nay mới hơn 2 tuổi, chị S có đủ điều kiện nuôi con, anh C hiện nay đang nuôi 02 con riêng với người vợ trước, thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Tú A cho chị S nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về tài sản C và công nợ C: Chị S và anh C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Bị đơn là anh Đào Quang C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh C.

II. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị S và anh Đào Quang C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/07/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện X, thành phố Hà Nội. Chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể C sống với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án anh C thừa nhận trong thời gian C sống bản thân anh là người nóng tính có chửi bới chị S nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, chị S lạnh nhạt với anh nên vợ chồng không nói chuyện với nhau nữa. Từ tháng 10/2023 chị S chuyển ra ngoài C sống nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay, anh C gọi điện cho chị S nhưng chị S không muốn gặp anh. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do chị S giao nộp và Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh C đã trầm trọng hai bên không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của anh chị sẽ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích của hôn nhân là có cuộc sống C hoà thuận, hạnh phúc. Anh C không đồng ý ly hôn với chị S nhưng cũng không có phương án nào khác để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nên không chấp nhận ý kiến của anh C về việc không đồng ý ly hôn chị S. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Âu Thị S với anh Đào Quang C.

[2] Về con C: Chị S và anh C có 01 con C là cháu Đào Tú A, sinh ngày 01/01/2021. Ly hôn, chị S yêu cầu được nuôi con C và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị S khai hiện nay chị đang kinh doanh online có thu nhập bình quân hàng tháng là 18.000.000 đồng/tháng chứng minh bằng sao kê tài khoản ngân hàng, chứng từ bán hàng đã nộp cho Tòa án. Sau khi ly hôn chị và cháu Tú A sẽ sống tại nhà bố mẹ đẻ là ông Âu Văn T, bà Phan Thị B ở thôn L, xã T, huyện D, tỉnh

Tuyên Quang. Xét cháu Đào Tú A chưa đủ 36 tháng tuổi, chị S có đủ các điều kiện để nuôi con. Trên cơ sở đảm bảo quyền lợi mọi mặt, duy trì sự ổn định, phát triển của cháu Đào Tú A, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu Tú A cho chị S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đối với yêu cầu của anh C về việc nuôi cháu Tú A sau khi ly hôn là không có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận. Anh C có quyền đi lại thăm nom con C, không ai được cản trở. Do chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản C, nhà ở và công nợ C: Chị S và anh C có lời khai thống nhất về việc vợ chồng chị không có tài sản C, công nợ C, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Âu Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56 và các điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị S được ly hôn với anh Đào Quang C.

2. Về con C: Giao con C của chị Âu Thị S và anh Đào Quang C là cháu Đào Tú A, sinh ngày 01/01/2021 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con C không ai được cản trở.

3. Về tài sản C và công nợ C: Chị Âu Thị S và anh Đào Quang C có lời khai thống nhất về việc anh chị không có tài sản C, không có công nợ C, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Âu Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện X, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015275 ngày 06/11/2023. Chị S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Âu Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đào Quang C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. X;
- Chi cục thi hành án dân sự H. X;
- UBND xã L, H. X;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA